

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

GIANG THỊ THẢO

**SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
VÀ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC
VỀ TỘI RỬA TIỀN**

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. DƯƠNG TUYẾT MIÊN

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2016**

**Có thể tìm hiểu luận văn tại
Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục từ viết tắt

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: DẤU HIỆU PHÁP LÝ CỦA TỘI RỬA TIỀN THEO
QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999..... 7**

**1.1. Dấu hiệu pháp lý của tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật
hình sự Việt Nam năm 1999..... 7**

1.1.1. Khách thể của tội rửa tiền 7

1.1.2. Mặt khách quan của tội rửa tiền..... 12

1.1.3. Mặt chủ quan của tội rửa tiền 18

1.1.4. Chủ thể của tội rửa tiền..... 21

**1.2. Đường lối xử lý của tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật
hình sự năm 1999 24**

1.2.1. Khoản 1 Điều 251 24

1.2.2. Khoản 2 Điều 251 25

1.2.3. Khoản 3 Điều 251 30

**1.3. So sánh quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với qui
định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội rửa tiền..... 35**

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1..... 38

**Chương 2: SO SÁNH QUY ĐỊNH VỀ TỘI RỬA TIỀN THEO
QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN
HÀNH VỚI QUY ĐỊNH TƯƠNG ỨNG CỦA MỘT SỐ
QUỐC GIA THUỘC HỆ THỐNG LUẬT THÀNH VĂN
VÀ HỆ THỐNG ÁN LỆ..... 39**

**2.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định
của Bộ luật hình sự Trung Quốc, Thụy Điển (thuộc hệ
thống luật thành văn) về tội rửa tiền 39**

2.1.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc về tội rửa tiền	39
2.1.2. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Thụy Điển về tội rửa tiền.....	43
2.2. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ) về tội rửa tiền	48
2.2.1. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền.....	48
2.2.2. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của Bộ luật hình sự Canada về tội rửa tiền.....	53
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	59
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI RỬA TIỀN	60
3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cần thiết hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về tội rửa tiền	60
3.1.1. Cơ sở lý luận	60
3.1.2. Cơ sở thực tiễn	67
3.2. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển, Mỹ và Canada.....	70
3.2.1. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển	70
3.2.2. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với pháp luật hình sự của Mỹ và Canada.....	73
3.3. Những đề xuất cụ thể.....	75
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	78
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Rửa tiền là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xuất hiện từ lâu trên thế giới. Cùng với quá trình toàn cầu hoá và sự phát triển của đời sống xã hội, hành vi rửa tiền ngày càng lớn về quy mô, đa dạng, tinh vi về cách tiến hành. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, khi mà đời sống kinh tế - xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ, tội phạm rửa tiền cũng ngày một phát triển. Không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế, rửa tiền còn ảnh hưởng lớn đến an ninh quốc gia, tác động nghiêm trọng đến sự trong sạch và hoàn chỉnh của hệ thống tài chính quốc gia. Hơn thế nữa, tội phạm rửa tiền không chỉ tồn tại trong một quốc gia mà còn phát triển, lan rộng ra khỏi biên giới quốc gia và mang tính quốc tế. Vì thế, rửa tiền được xem là loại tội phạm không biên giới, có ảnh hưởng lâu dài, thậm chí lũng đoạn kinh tế, chính trị quốc gia và khu vực. Trên thực tế, hoạt động rửa tiền rất tinh vi, việc phát hiện, điều tra tội phạm này cực kỳ phức tạp.

Lần đầu tiên được tội phạm hoá trong BLHS năm 1999, hành vi rửa tiền có tên gọi là tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có (Điều 251 BLHS 1999). Sau đó, tội danh này được sửa đổi với tên gọi mới là tội rửa tiền tại BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009 và có hiệu lực ngày 01/01/2010. Cùng với sự ra đời của Luật phòng, chống rửa tiền, từ đó cho đến nay, Việt Nam mới chỉ xét xử duy nhất một vụ án về tội phạm này, (năm 2006, Toà án nhân dân TP Hà Nội đã xét xử vụ Phan Văn Căn về tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo đã bị kết án 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Một số vụ án rửa tiền khác tuy đã bị phát hiện ở Việt Nam nhưng do nhiều lí do khác nhau nên đã không bị xét xử tại Việt Nam. Ví dụ như vụ án Lê Thị Phương Mai, Việt Kiều Mỹ. Lê Thị Phương Mai cầm đầu một băng nhóm tội phạm buôn bán ma tuý ở Canada và Mỹ. Lê Thị Phương Mai đã bị Cục điều tra Liên bang Mỹ (FBI) bắt và xét xử tại Mỹ. Quá trình điều tra của FBI cho thấy, Lê Thị Phương Mai đã rửa 25 triệu đô la ở Khánh Hoà thông qua việc đầu tư kinh doanh bất động sản tại tỉnh này). Điều này cho thấy còn tồn tại bất cập trong qui định của BLHS hiện hành về tội danh này cũng như thực tiễn áp dụng. Trong khi đó, ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm này đã khá phát triển và đạt được nhiều bước tiến đáng kể

trong phòng, chống rửa tiền. Do đó, nghiên cứu, so sánh quy định về tội rửa tiền theo qui định của luật hình sự Việt Nam với quy định của pháp luật hình sự một số quốc gia trên thế giới, từ đó đưa ra các đề xuất cụ thể để hoàn thiện qui định của BLHS Việt Nam về tội rửa tiền là rất cần thiết. Với lí do đó, em đã chọn và nghiên cứu đề tài *“So sánh quy định của BLHS Việt Nam và quy định của BLHS một số nước trên thế giới về tội rửa tiền”* làm luận văn thạc sĩ của mình với mong muốn góp phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện các quy định của BLHS về tội rửa tiền, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng chống tội phạm này nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Dưới góc độ luật hình sự, trong thời gian qua đã có một số công trình nghiên cứu sau có liên quan đến đề tài:

*** *Về luận văn thạc sĩ luật học có các công trình sau:***

+ *“Tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có trong luật hình sự Việt Nam”*; tác giả Nguyễn Triệu Như Thường, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2008;

+ *“Việt Nam với nghĩa vụ pháp lý thành viên nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)”*; tác giả Nguyễn Thị Thúy Ngọc, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2009;

+ *“Hoàn thiện quy định về tội rửa tiền trong Luật Hình sự Việt Nam trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế”*; tác giả Trần Văn Tuấn, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2013.

*** *Về khoá luận tốt nghiệp đại học có các công trình sau:***

+ *“Pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong hoạt động ngân hàng - Thực trạng và hướng hoàn thiện”*, tác giả Tào Thu Minh Nguyệt, Đại học luật Hà Nội, năm 2009;

+ *“Tội rửa tiền dưới góc độ so sánh luật”*; tác giả Nguyễn Thị Vân Anh, Đại học luật Hà Nội, năm 2012;

+ *“Một số đánh giá về pháp luật phòng, chống rửa tiền trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam”*, tác giả Bùi Thị Hằng, Đại học luật Hà Nội, năm 2012;

*** *Về bài viết đăng trên tạp chí có các công trình sau:***

+ *Về hành vi “Rửa tiền” theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam*, tác giả Nguyễn Hữu Thanh, Tạp chí Luật học - Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 6/2001, tr. 36 - 41;

+ *Tìm hiểu về việc phòng chống tội phạm rửa tiền trên thế giới*, tác giả Nông Xuân Trường, Tạp chí Kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Số 5/2005, tr. 52 - 54;

+ *Sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS về tội rửa tiền góp phần tháo gỡ khó khăn trong thực tiễn và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*, tác giả Nguyễn Văn Hoàn, Tạp chí Kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Số 4/2009, tr. 56 - 61;

+ *Phòng chống rửa tiền ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*; tác giả Vương Tinh Mạch. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp - Văn phòng Quốc hội, Số 7/2009, tr. 48 - 51;

+ *Phòng chống rửa tiền - kinh nghiệm của các nước và bài học cho Việt Nam*, tác giả Văn Tạo, Tạp chí Ngân hàng - Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Số 1/2010, tr. 31 - 39;

+ *Tội phạm rửa tiền trong luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS và một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng*, tác giả Đặng Thu Hiền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật - Bộ Tư pháp, Số 5/2010, tr. 19 - 25;

+ *Đánh giá tính tương thích giữa qui định của BLHS Việt Nam với qui định của chuẩn mức quốc tế về tội rửa tiền*, tác giả Dương Tuyết Miên, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/2011.

Các công trình trên ở các mức độ khác nhau đã nghiên cứu về tội rửa tiền dưới góc độ luật hình sự. Đề tài về tội rửa tiền nghiên cứu dưới góc độ so sánh đã có một số tác giả tìm hiểu, tuy nhiên, cho đến nay chưa có tác giả nào nghiên cứu, so sánh một cách tổng thể về tội rửa tiền theo qui định của BLHS Việt Nam với một số quốc gia có pháp luật hình sự phát triển thuộc hai hệ thống pháp luật điển hình trên thế giới là hệ thống luật thành văn (Civil Law) và hệ thống án lệ hay còn gọi là hệ thống thông luật (Common Law), từ đó đề xuất kiến nghị, góp phần hoàn thiện qui định tương ứng của BLHS Việt Nam. Vì lẽ đó, tác giả đã chọn đề tài “*So sánh quy định của BLHS Việt Nam và quy định của BLHS một số nước trên thế giới về tội rửa tiền*” làm luận văn thạc sĩ của mình.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tội rửa tiền trên cơ sở nghiên cứu qui định của BLHS Việt Nam hiện hành, so sánh với quy định tương ứng của BLHS của một số quốc gia điển hình thuộc hai hệ thống pháp luật lớn nhất trên thế giới. Cụ thể là BLHS

Trung Quốc và Thụy Điển thuộc hệ thống luật thành văn (Civil Law); BLHS của Mỹ và Canada thuộc hệ thống án lệ (Common Law); từ đó đề xuất những kiến nghị cụ thể góp phần hoàn thiện quy định của BLHS nước ta về tội danh này.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, tác giả đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền (có sự liên hệ với qui định của BLHS năm 2015).

- Nghiên cứu so sánh quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền với qui định tương ứng của BLHS Trung Quốc và Thụy Điển (thuộc hệ thống luật thành văn), đồng thời, cũng so sánh với qui định BLHS của Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ), từ đó xem xét, học tập kinh nghiệm lập pháp hình sự của các quốc gia này khi qui định về tội rửa tiền.

- Đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về tội danh này.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Luận văn được nghiên cứu *dưới góc độ luật hình sự và so sánh luật*. Tác giả sẽ tập trung nghiên cứu các quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về dấu hiệu pháp lý và đường lối xử lý đối với tội rửa tiền, có sự liên hệ với qui định của BLHS năm 2015 về tội rửa tiền; so sánh với quy định này của BLHS Việt Nam với BLHS của một số quốc gia điển hình là BLHS Trung Quốc và Thụy Điển (thuộc hệ thống luật thành văn), BLHS của Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ).

6. Tính mới của đề tài

Luận văn là công trình nghiên cứu ở cấp độ thạc sĩ nghiên cứu chuyên sâu, tương đối toàn diện dưới góc độ so sánh luật trên cơ sở nghiên cứu qui định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền trong sự so sánh với BLHS của một số quốc gia có pháp luật hình sự phát triển thuộc hai hệ thống pháp luật điển hình trên thế giới là hệ thống luật thành văn (Civil Law) và hệ thống án lệ (Common Law).

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Để nghiên cứu luận văn, tác giả sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch

sử), tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm, về chính sách hình sự nói chung.

- Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp lịch sử ...

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Dấu hiệu pháp lý và đường lối xử lý của tội rửa tiền theo quy định tại BLHS Việt Nam năm 1999

Chương 2: So sánh quy định về tội rửa tiền theo qui định của BLHS Việt Nam hiện hành với quy định tương ứng của BLHS một số quốc gia điển hình thuộc hệ thống luật thành văn và hệ thống án lệ

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền

Chương 1

DẤU HIỆU PHÁP LÝ CỦA TỘI RỬA TIỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999

1.1. Dấu hiệu pháp lý của tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

1.1.1. Khách thể của tội rửa tiền

Trong BLHS năm 1999, tội rửa tiền được xếp vào chương XIX “các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”. Khách thể loại là quan hệ xã hội về trật tự, an toàn công cộng. Về khách thể trực tiếp, tội phạm rửa tiền xâm phạm trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Xét ở góc độ khác, có thể nói rằng khách thể trực tiếp của tội rửa tiền là quan hệ sở hữu. Xét về đối tượng tác động của tội phạm, là tiền, tài sản do phạm tội mà có. BLHS Việt Nam 1999 không giới hạn do đó tiền, tài sản này có thể là kết quả của bất kỳ tội phạm nào khác.

1.1.2. Mặt khách quan của tội rửa tiền

Theo quy định tại Điều 251 BLHS năm 1999, tội rửa tiền được qui định là tội phạm có CTTTP hình thức có nghĩa là nhà làm luật chỉ qui định

(mô tả) hành vi khách quan và không qui định về hậu quả của tội phạm. Hành vi khách quan của tội rửa tiền gồm có bốn dạng hành vi sau đây:

Thứ nhất, hành vi “*tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó*”. Trong giai đoạn này, tội phạm rửa tiền thành công nhờ thông qua tính pháp lý trong các giao dịch với pháp nhân là các tổ chức, các định chế tài chính để hợp pháp số tiền bẩn.

Thứ hai, hành vi “*sử dụng tiền hoặc tài sản khác biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác*”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì “*sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác là việc dùng tiền, tài sản đó vào các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, thành lập công ty, xây dựng trường học, bệnh viện, mua tài sản dưới các hình thức khác nhau hoặc sử dụng dưới danh nghĩa tài trợ, từ thiện, viện trợ nhân đạo*”.

Thứ ba, hành vi “*che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó*”. Hành vi này không tác động trực tiếp lên tiền, tài sản bẩn mà mang tính hỗ trợ để các hoạt động rửa tiền được tiến hành thuận lợi.

Thứ tư, nhóm hành vi “*thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản biết rõ là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có*”. Trường hợp này bao gồm cả ba dạng hành vi đã được phân tích ở trên, tuy nhiên đối tượng tác động của nhóm hành vi này là tiền, tài sản mới, xuất hiện sau khi có hành vi chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi từ tiền, tài sản bất hợp pháp ban đầu.

Như vậy, BLHS Việt Nam năm 1999 qui định 4 dạng hành vi khách quan của tội rửa tiền ở mức độ khái quát. Tuy nhiên, nếu chỉ khái quát bốn nhóm hành vi như vậy vẫn chưa bao quát hết các dạng hành vi rửa tiền do tính chất phức tạp, đa dạng của hành vi rửa tiền.

Một điểm cần lưu ý theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật phòng, chống rửa tiền thì ngoài bốn nhóm hành vi được quy định trong BLHS như

đã nêu trên thì còn có hai hành vi khác là “trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có” và hành vi “chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản”.

1.1.3. Mặt chủ quan của tội rửa tiền

Xét về lỗi, là lỗi cố ý. BLHS Việt Nam không quy định trường hợp lỗi vô ý đối với hành vi rửa tiền.

Xét về động cơ phạm tội, rất phong phú, phổ biến nhất là động cơ vụ lợi, nhận tiền thưởng, tiền ăn chia phần trăm, được trợ giúp, tạo thuận lợi trong các hoạt động nghề nghiệp, cuộc sống, kinh doanh... Ngoài ra phải kể đến động cơ khác như những lợi ích tinh thần, nể nang, giúp đỡ, bị đe dọa nên lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe...

Xét về mục đích phạm tội, là “nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản” do phạm tội mà có.

1.1.4. Chủ thể của tội rửa tiền

Là người có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên, riêng đối với khoản 2 và khoản 3 Điều 251 thì chủ thể là người từ đủ 14 tuổi trở lên và đã thực hiện hành vi phạm tội rửa tiền được quy định tại Điều 251 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, có những tranh cãi về chủ thể của tội rửa tiền có bao gồm người đã thực hiện tội phạm nguồn sau đó tiếp tục rửa tiền hay không.

BLHS Việt Nam không quy định pháp nhân là chủ thể của tội rửa tiền

* Trong BLHS năm 1999, có một tội danh nữa có cùng đối tượng tác động với “Tội rửa tiền” là “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 250. Trên diễn đàn khoa học luật hình sự, có ý kiến cho rằng nên hợp nhất Điều 250 và Điều 251 thành một tội rửa tiền bởi vì về bản chất, hành vi phạm tội được quy định tại Điều 250 là hành vi rửa tiền.

1.2. Đường lối xử lý của tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999

1.2.1. Khoản 1 Điều 251

Theo quy định tại khoản 1 Điều 251 thì “*người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm...*” (các hành vi đã được liệt kê và phân tích ở trên). Khoản 1 quy định cấu thành tội phạm cơ bản của tội rửa tiền.

1.2.2. Khoản 2 Điều 251

Khoản 2 Điều 251 quy định: “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Phạm tội nhiều lần;
- d) Có tính chất chuyên nghiệp;
- e) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;
- f) Tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn;
- g) Thu lợi bất chính lớn;
- h) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- i) Tái phạm nguy hiểm.”

- *Phạm tội có tổ chức*: theo quy định tại khoản 3 Điều 20 BLHS thì phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

- *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn*: đây là trường hợp chủ thể đặc biệt của tội rửa tiền. Người thực hiện hành vi rửa tiền sử dụng những thuận lợi do chức vụ, quyền hạn của mình đem đến để thực hiện hành vi phạm tội hoặc dùng nó để ép buộc, dụ dỗ người khác phạm tội.

- *Phạm tội nhiều lần*: là trường hợp rửa tiền từ hai lần trở lên và trong các lần đó chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

- *Có tính chất chuyên nghiệp*: có từ 5 lần trở lên thực hiện hành vi rửa tiền, không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích; người phạm tội không có nghề nghiệp hoặc lấy tài sản thu nhập bất chính do phạm tội mà có làm nguồn sống chính.

- *Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt*: phương pháp phạm tội thâm hiểm, khó phát hiện.

- *Tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn, thu lợi bất chính lớn, gây hậu quả nghiêm trọng*: được quy định rõ số lượng tại khoản 5, 6 và 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT – BCA – BQP – BTP - NHNNVN - VKSNDTC-TANDTC.

- *Tái phạm nguy hiểm*: đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm

trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý và đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý.

1.2.3. Khoản 3 Điều 251

Xác định rõ số lượng “tiền, tài sản phạm tội có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn” theo quy định tại điểm 6, 8 và 10 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC.

Ngoài các hình phạt chính nêu trên, tại khoản 4 Điều 251 còn quy định hình phạt bổ sung khá đa dạng gồm cả phạt tiền, tịch thu tài sản và cấm đảm nhiệm chức vụ.

Do không quy định chủ thể là pháp nhân nên không có chế tài nào liên quan đến trách nhiệm của pháp nhân trong việc rửa tiền. Đây là một thiếu sót lớn của hệ thống pháp luật.

Như vậy, Điều 251 BLHS năm 1999 về tội rửa tiền đã thể hiện được những điểm pháp lý cơ bản liên quan đến hành vi rửa tiền, tuy nhiên, qui định này còn tồn tại một số bất cập, cụ thể là:

Thứ nhất, việc xếp tội rửa tiền nằm trong chương “các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng” chưa phản ánh quan hệ xã hội mà tội phạm này xâm hại trước tiên và nghiêm trọng nhất là trên lĩnh vực kinh tế.

Thứ hai, chưa quy định rõ chủ thể thực hiện tội rửa tiền bao hàm cả người phạm tội nguồn hay chỉ là người thực hiện hành vi rửa tiền.

Thứ ba, nhà làm luật chưa hợp nhất Điều 250 và Điều 251 thành một tội danh - tội rửa tiền mà để dưới dạng hai tội danh độc lập.

Thứ tư, chưa quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý nhằm nâng cao ý thức bảo vệ pháp luật, phòng chống tội phạm của toàn dân.

Thứ năm, việc mô tả hành vi khách quan chưa đầy đủ, chưa bao quát hết các hành vi rửa tiền.

Thứ sáu, chưa quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với trường hợp để xảy ra hành vi rửa tiền trong quá trình hoạt động của pháp nhân.

Thứ bảy, sử dụng từ “tiền, tài sản” là chưa phù hợp với các văn bản pháp luật trong nước và quốc tế.

Thứ tám, chưa giải thích rõ các tình tiết “phạm tội nhiều lần”, “tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn, rất lớn, đặc biệt lớn, thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”.

1.3. So sánh quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với qui định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội rửa tiền

Nằm trong mục 4 “Các tội khác xâm phạm trật tự công cộng” thuộc chương XXI “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”, Điều 324 BLHS năm 2015 Tội rửa tiền vẫn giữ nguyên các quy định cơ bản về cấu thành tội phạm so với Điều 251 BLHS năm 1999 trước đây, chỉ thay thế cụm từ “biết rõ là do phạm tội mà có” thành “do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có”, sửa cụm từ “do phạm tội mà có” tại điểm d khoản 1 thành “do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có”, thay cụm từ “phạm tội nhiều lần” thành “phạm tội 02 lần trở lên”, xác định rõ giá trị tiền, tài sản phạm tội, thu lợi, phạt tiền, tại khoản 2 bổ quy định “gây hậu quả nghiêm trọng”, tại khoản 3 thay thế quy định “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng quy định “gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia”, bổ sung khoản 4 quy định: “Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm” và sửa đổi hình phạt tại khoản 2 là từ 5 năm đến 10 năm, tại khoản 3 là từ 10 đến 15 năm.

Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS năm 2015 cũng có một số thay đổi như thay đổi mức tiền phạt, xác định rõ giá trị tài sản, vật phạm pháp, thu lợi, tăng mức hình phạt tại khoản 2 là từ 3 năm đến 7 năm, tại khoản 3 là từ 7 năm đến 10 năm, tại khoản 4 là từ 10 đến 15 năm, sửa đổi quy định tại khoản 5 là người phạm tội chỉ bị phạt bổ sung bằng một trong hai hình thức phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản chứ không bị áp dụng hoặc đồng thời hai hình thức hoặc một trong hai như quy định tại Bộ luật hiện hành.

So sánh với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 đã có một số thay đổi, đã khắc phục được một số hạn chế của BLHS năm 1999 về tội rửa tiền, đó là:

Thứ nhất, đã diễn giải rõ từ “biết rõ” thành cụm từ “do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có” hay nói cách khác là đã xác định rõ chủ thể thực hiện tội rửa tiền bao gồm cả người thực hiện và không thực hiện tội phạm nguồn, ngoài ra theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 2015 thì chủ thể của tội rửa tiền là người đủ 16 tuổi trở lên.

Thứ hai, đã giải thích rõ, cụ thể hóa bằng con số cụ thể các quy định “phạm tội nhiều lần”, “tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn, rất lớn, đặc biệt lớn, thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”.

Thứ ba, đã bổ sung quy định trường hợp chuẩn bị phạm tội vào ngay cuối điều luật.

Còn lại các hạn chế khác chưa được khắc phục, điều này đặt ra cho người viết nhiệm vụ phải tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và đề xuất phương hướng hoàn thiện quy phạm pháp luật về tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Là một loại tội có tính phái sinh, chỉ xuất hiện sau một tội phạm khác nhưng không vì thế mà tính nghiêm trọng của tội rửa tiền giảm xuống mà ngược lại, nhằm che giấu tiền, tài sản bất hợp pháp, người phạm tội còn dùng mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để thực hiện. Để đấu tranh phòng chống có hiệu quả tội phạm này, việc nghiên cứu, nắm vững lý luận về tội rửa tiền là hết sức cần thiết. Trong chương I, người viết đã đi sâu phân tích cấu thành tội rửa tiền theo quy định của BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 và xem xét trong mối tương quan với tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có để tìm ra những điểm hạn chế của quy định tội rửa tiền tại BLHS năm 1999, những điểm tiến bộ của BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1999 và những hạn chế cần tiếp tục được khắc phục của BLHS năm 2015. Trên cơ sở nhận thức được những vấn đề căn bản còn vướng mắc trong quy định về tội rửa tiền, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu nhằm khắc phục những vướng mắc này để tiến tới xác lập một quy phạm hoàn thiện về tội rửa tiền theo đúng chuẩn mực pháp lý quốc gia và quốc tế. Trong những cách thức nghiên cứu, người viết chọn phương pháp so sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới để rút ra những bài học kinh nghiệm lập pháp có thể áp dụng vào pháp luật Việt Nam về tội rửa tiền. Đó là những nội dung chính của chương II và chương III sẽ được trình bày dưới đây.

Chương 2

SO SÁNH QUY ĐỊNH VỀ TỘI RỬA TIỀN THEO QUI ĐỊNH CỦA BLHS VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỚI QUY ĐỊNH TƯƠNG ỨNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA THUỘC HỆ THỐNG LUẬT THÀNH VĂN VÀ HỆ THỐNG ÁN LỆ

2.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc, Thụy Điển (thuộc hệ thống luật thành văn) về tội rửa tiền

2.1.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc về tội rửa tiền

BLHS Trung Quốc quy định như sau:

“Người nào biết rõ những khoản lợi thu được một cách phi pháp do tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen, tội hoạt động khủng bố, tội buôn lậu để che đậy, giấu giếm nguồn gốc và tính chất, có một trong những tình tiết dưới đây, tịch thu những khoản lợi thu được do vi phạm pháp luật thì bị phạt tù đến 5 năm hoặc cải tạo lao động và bị phạt tiền từ 5% đến 20% số tiền rửa này; nếu có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm và bị phạt tiền từ 5% đến 20% số tiền rửa này:

1. Cung cấp từ khoản vốn;
2. Giúp đỡ bằng cách chuyển tài sản thành tiền mặt hoặc ngân phiếu;
3. Thông qua việc chuyển nợ hoặc các hình thức quyết toán khác giúp đỡ chuyển vốn;
4. Giúp đỡ bằng cách chuyển tiền ra nước ngoài;
5. Dùng những biện pháp khác để che đậy, giấu giếm tính chất, nguồn gốc nguồn thu bất hợp pháp.

Đơn vị phạm tội như quy định trên thì đơn vị đó sẽ bị phạt tiền, người chủ quản chịu trách nhiệm trực tiếp và người chịu trách nhiệm trực tiếp khác thì bị phạt tù đến 5 năm hoặc cải tạo lao động; nếu có tình tiết nghiêm trọng sẽ bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm”.

** Điểm giống nhau*

- Về mặt chủ quan: qua cụm từ “biết rõ” xác định lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý tương tự như quy định trong BLHS Việt Nam.

- *Về hình phạt*: các bộ luật đều quy định hình phạt tù có thời hạn là hình phạt chính và phạt tiền là hình phạt bổ sung.

* *Điểm khác nhau*

- *Về khách thể*: BLHS Trung Quốc xếp vào nhóm tội có khách thể loại là các tội xâm phạm trật tự quản lý tiền tệ hay rộng hơn là các tội xâm phạm trật tự kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

- *Về chủ thể*: theo BLHS Trung Quốc là người đủ 16 tuổi trở lên. Nếu là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội sẽ được hưởng hình phạt giảm nhẹ hoặc giảm khung hình phạt. Điều 191 BLHS Trung Quốc còn quy định chủ thể là pháp nhân.

- *Về hành vi khách quan*: có bốn nhóm hành vi được liệt kê cụ thể và một nhóm khái quát.

- *Về phạm vi tội phạm nguồn*: BLHS Trung Quốc có khác biệt nổi bật là quy định giới hạn tội phạm nguồn.

- *Về hình phạt*: tuy giống nhau là cùng quy định hình phạt chính là tù có thời hạn và hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng ở mỗi nước quy định mức hình phạt là khác nhau, mức hình phạt ở Trung Quốc thấp hơn ở Việt Nam, ngoài ra hình phạt chính tù có thời hạn có thể bị thay thế bằng hình phạt cải tạo lao động.

2.1.2. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Thụy Điển về tội rửa tiền

Điều 6 BLHS Thụy Điển qui định:

“Người nào:

1. Tiếp nhận tài sản do người khác chiếm đoạt mà có và việc tiếp nhận này được tiến hành theo cách thức khiến cho việc truy thu tài sản trở nên khó khăn;

2. Thu lời bất chính từ tài sản do người khác phạm tội mà có;

3. Tạo cơ hội cho người khác sử dụng, khai thác tài sản bắt nguồn từ tài sản do phạm tội mà có, hoặc giá trị của tài sản đó;

4. Giúp đỡ người khác di chuyển, chuyển nhượng hoặc bán tài sản bắt nguồn từ tài sản do phạm tội mà có, hoặc tiến hành biện pháp tương tự, nhằm che giấu nguồn gốc của tài sản; hoặc

5. Theo yêu cầu của người khác, chuyển hoặc tiến hành biện pháp tương tự xác nhận quyền đối với tài sản do phạm tội mà có;

Thì bị phạt tù đến hai năm về tội nhận tài sản do phạm tội mà có.

Người nào trong hoạt động kinh doanh hoặc một phần của hoạt động kinh doanh được tiến hành thường xuyên hoặc trên quy mô lớn, nhận tài sản mà có thể giả định một cách hợp lý là do người khác phạm tội chiếm đoạt tài sản mà có, và việc tiếp nhận đó được tiến hành theo cách thức khiến cho việc thu hồi tài sản trở nên khó khăn thì cũng bị xử phạt tương tự như phạm tội nhận tài sản do phạm tội mà có.

Phạm tội quy định tại đoạn 1 và đoạn 2 của Điều này trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ sáu tháng đến sáu năm.

Điều 7.

Nếu hành vi phạm tội quy định tại Điều 6 được coi là ít nghiêm trọng thì người phạm tội sẽ bị phạt tù đến sáu tháng hoặc phạt tiền về tội nhận tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp ít nghiêm trọng.

Người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì cũng bị áp dụng hình phạt đối với tội nhận tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp ít nghiêm trọng:

1. Người nhận tài sản có cơ sở hợp lý để cho rằng do người khác phạm tội chiếm đoạt mà có và việc tiếp nhận được tiến hành theo cách thức khiến cho việc thu hồi tài sản đó trở nên khó khăn, trừ trường hợp quy định tại đoạn 2 Điều 6.

2. Trong trường hợp quy định tại đoạn 1 Điều 6 nhưng không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tài sản đó có liên quan đến tội phạm; hoặc

3. Theo cách thức quy định tại điểm 1, đoạn 1 của Điều 6, tham gia thực hiện tội phạm chiếm đoạt tài sản và không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tội phạm đã được thực hiện”.

** Điểm giống nhau*

Các Bộ luật đều không có quy định về tội phạm nguồn.

** Điểm khác nhau*

- *Về khách thể:* Trong BLHS Thụy Điển, Điều 6 và Điều 7 được xếp vào chương tội lừa đảo và các tội gian dối khác.

- *Về chủ thể:* BLHS Thụy Điển xác định chủ thể là người đủ 15 tuổi trở lên. Trong khi đó, chủ thể người Việt Nam là người từ 16 tuổi trở lên nếu phạm vào khoản 1, đủ 14 tuổi trở lên nếu phạm vào khoản 2 và khoản 3 Điều 251.

- *Về mặt chủ quan,* điểm khác biệt cần lưu ý của BLHS Thụy Điển

so với BLHS Việt Nam là trạng thái lỗi vô ý cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này. Trạng thái lỗi này tương tự như trạng thái lỗi vô ý do cầu thả được quy định tại khoản 2 Điều 10 BLHS Việt Nam 1999.

- *Về mặt khách quan*, Điều 6 BLHS Thụy Điển bao gồm cả hành vi chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đó là các hành vi tiếp nhận, giúp đỡ người khác, điều chuyển, chuyển nhượng hoặc bán tài sản bắt nguồn từ tài sản do phạm tội mà có...

- *Về hình phạt*: mức hình phạt mà BLHS Thụy Điển áp dụng tương đối nhẹ so với BLHS Việt Nam năm 1999. BLHS Thụy Điển áp dụng phạt tiền là hình phạt chính có thể thay thế hình phạt tù trong trường hợp ít nghiêm trọng.

2.2. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ) về tội rửa tiền

2.2.1. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền

Luật kiểm soát rửa tiền năm 1986 quy định 3 tội danh mới trong BLHS Mỹ là: cố ý giúp đỡ rửa những khoản tiền từ các hoạt động phạm pháp; cố ý thực hiện giao dịch lớn hơn mức 10.000 USD có được từ các hoạt động phạm pháp trong một ngày; cố ý tiến hành những giao dịch nhằm tránh những quy định của Luật bảo mật ngân hàng (BSA). Tại Điều (1) (A) (1) ở đoạn 1956, 1957: “Người nào biết rằng các tài sản thu được từ các hoạt động trái pháp luật; tham gia vào một giao dịch tài chính, thực hiện hoặc cố gắng tiến hành một giao dịch tài chính liên quan đến số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật; biết rằng các giao dịch được thiết lập toàn bộ hoặc một phần nhằm che giấu hoặc nguy trang bản chất, vị trí, nguồn, quyền sở hữu, hoặc sự kiểm soát của số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật thì bị phạt tiền không quá 500.000 USD hoặc hai lần giá trị của tài sản liên quan đến giao dịch, hoặc phạt tù trên 20 năm hoặc cả hai”.

Điều (2) quy định: “Người nào vận chuyển, cố gắng để vận chuyển, chuyển giao tiền từ một địa điểm ở Mỹ hoặc thông qua một địa điểm ngoài lãnh thổ Mỹ đến một địa điểm ở Mỹ hoặc thông qua một địa điểm ngoài lãnh thổ Mỹ (A) với mục đích thúc đẩy các hoạt động trái pháp luật; (B) biết rằng tiền tham gia vào quá trình vận chuyển, chuyển giao là tiền thu được từ các hoạt động trái pháp luật và biết những giao dịch vận chuyển,

hoặc chuyển giao được thiết kế toàn bộ hoặc một phần (i) để che giấu hoặc ngụy trang bản chất, vị trí, nguồn, quyền sở hữu, hoặc sự kiểm soát của số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật; (ii) để tránh một yêu cầu báo cáo giao dịch theo pháp luật bang hoặc liên bang, thì bị phạt tiền không quá 500.000 USD hoặc hai lần giá trị của số tiền tham gia trong việc vận chuyển, chuyển giao hoặc phạt tù không quá hai mươi năm, hoặc cả hai”.

** Điểm giống nhau:*

- *Về mặt chủ quan:* lỗi cố ý.
- *Về chủ thể của tội phạm:* gồm hai loại đối tượng người thực hiện và không thực hiện tội phạm nguồn.

** Điểm khác nhau*

- *Về hành vi khách quan:* trong Luật kiểm soát rửa tiền Mỹ, các hành vi thuộc về quá trình thực hiện các hành vi chứa chấp, tiêu thụ (như vận chuyển, chuyển giao, thực hiện giao dịch...) được quy định là hành vi phạm tội rửa tiền và bị trừng trị rất nặng.

- *Về hình phạt:* pháp luật hình sự Mỹ quy định hình phạt rất nghiêm khắc. Ngoài ra, nhà làm luật Việt Nam quy định phạt tiền là một trong số các hình phạt bổ sung còn nhà làm luật Mỹ quy định phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng thay thế hoặc áp dụng cùng với hình phạt tù.

2.2.2. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của Bộ luật hình sự Canada về tội rửa tiền

Phần “Tội phạm” thuộc Phần XII.2 “Tài sản do phạm tội mà có” của BLHS Canada quy định:

Hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có

462.31 (1) Một người phạm một tội khi sử dụng, chuyển dịch việc chiếm hữu, gửi đi hay giao cho bất kỳ người hay tới địa điểm nào, vận tải, truyền, sửa đổi, định đoạt hay thông qua cách khác giao dịch theo bất kỳ cách thức hay phương tiện nào đối với bất kỳ tài sản hay bất kỳ lợi ích nào có được từ bất kỳ tài sản nào với ý đồ che giấu hay chuyển đổi tài sản đó hay lợi ích đó mà biết được hay tin là tất cả hay một phần của tài sản hay lợi ích đó đã có được hay có nguồn gốc trực tiếp hay gián tiếp như là kết quả của:

- (a) việc phạm tại Canada một tội được quy định; hoặc
- (b) một hành động hoặc không hành động ở bất kỳ nơi nào khác mà nếu xảy ra tại Canada sẽ cấu thành một tội được quy định.

Hình phạt

(2) Bất kỳ người nào phạm một tội theo khoản (1)

(a) là phạm một tội đại hình và có thể bị tù có thời hạn không quá 10 năm; hoặc

(b) là phạm một tội có thể bị trừng phạt theo thủ tục kết án rút gọn.

Ngoại lệ

(3) Cán bộ trật tự hay người hành động theo chỉ đạo của cán bộ trật tự không phạm một tội theo khoản (1) nếu cán bộ trật tự huy động người này làm bất kỳ việc gì quy định tại khoản đó phục vụ cho cuộc điều tra hay theo cách khác là thực hiện các nhiệm vụ của cán bộ trật tự.

* *Điểm giống nhau*

- *Vấn đề tội phạm nguồn*: có thể là bất kì tội nào.

- *Về mặt chủ quan*: lỗi cố ý.

- *Về hình phạt*: hình phạt được quy định đều là phạt tù có thời hạn.

* *Điểm khác nhau*

- *Về chủ thể*: theo quy định của BLHS Canada là người không thực hiện tội phạm nguồn.

- *Về hành vi khách quan*: mục 462.31 của BLHS Canada dẫn ra cả những dạng hành vi xuất hiện trong tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại BLHS Việt Nam năm 1999 và có cả quy định mô tả khái quát tất cả mọi hành vi rửa tiền.

- *Về tội phạm nguồn*: theo BLHS Canada, hành vi phạm tội nguồn bao gồm cả trường hợp xảy ra ở nước ngoài nhưng đối chiếu với quy định trong BLHS Canada thì hành vi phạm tội đó đã cấu thành một tội phạm cụ thể.

Ngoài ra, BLHS Canada còn quy định về trường hợp không phạm tội của cán bộ trật tự hay người hành động theo chỉ đạo của cán bộ.

- *Về đối tượng tác động của tội phạm*, nhà làm luật Canada dùng cách gọi là “tài sản” và “lợi ích có được từ bất kỳ tài sản nào”.

- *Về hình phạt*: BLHS Canada không phân chia thành các trường hợp nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng mà quy định hình phạt chung “không quá 10 năm tù” hoặc bị xử theo thủ tục kết án rút gọn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

So sánh quy định của BLHS Việt Nam về tội rửa tiền với quy định của BLHS của một số nước để thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nước, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật trong nước là việc làm cần thiết trong quá trình nghiên cứu khoa học về tội phạm này. Không giống như nhiều tội phạm khác, tội phạm rửa tiền thường có xu hướng quốc tế hóa do đó sự tương thích, hài hòa giữa pháp luật các nước là rất cần thiết, tạo điều kiện cho công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm này đạt hiệu quả cao. Qua chương II, tác giả đã trình bày những điểm giống và khác biệt của quy định về tội rửa tiền (với những tên gọi khác nhau) trong BLHS của các nước thuộc hệ thống luật thành văn là Trung Quốc, Thụy Điển và các nước thuộc hệ thống án lệ là Mỹ và Canada so với quy định về tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam năm 1999. Qua đó, thấy rằng mỗi nước đều có những điểm khác biệt nổi trội mà chúng ta cần lưu ý để xem xét và học tập nếu phù hợp. Ở BLHS Trung Quốc là cách sắp xếp nhóm khách thể loại, cách thiết lập quy định mô tả hành vi rửa tiền ở dạng khái quát nhất để có thể bao quát mọi hành vi phạm tội, tránh bỏ lọt tội phạm, quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội rửa tiền; ở BLHS Thụy Điển là quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý; ở BLHS Mỹ là quy định hình phạt tiền có thể thay thế hình phạt tù; ở BLHS Canada là quy định về trường hợp tội phạm nguồn xảy ra ở nước ngoài; ở BLHS Mỹ và Canada, rửa tiền bao gồm cả hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cùng với những phân tích về các điểm còn hạn chế trong quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 và BLHS năm 2015 đã được trình bày trong chương I, những kinh nghiệm từ việc so sánh này sẽ là bài học bổ ích và cần thiết mà chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm để sửa đổi, bổ sung vào quy định về tội rửa tiền của BLHS Việt Nam, nhằm tiến tới xây dựng một cấu thành tội phạm hoàn chỉnh cho tội rửa tiền ở Việt Nam, góp phần đưa công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này đạt hiệu quả cao nhất.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI RỬA TIỀN

3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cần thiết hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về tội rửa tiền

3.1.1. Cơ sở lý luận

Triết học Mác - Lênin đã chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong đó cơ sở hạ tầng giữ vai trò quyết định kiến trúc thượng tầng, đồng thời, kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối và có tác động trở lại cơ sở hạ tầng. Pháp luật chịu sự quyết định căn bản của đời sống kinh tế xã hội. Ngược lại, pháp luật có vai trò tác động trở lại đời sống kinh tế xã hội. Hiện nay đã xuất hiện những vấn đề mới của đời sống kinh tế xã hội như xuất hiện những phương thức, thủ đoạn rửa tiền mới chưa được quy định trong BLHS Việt Nam, vấn đề pháp nhân rửa tiền... đòi hỏi quy định về tội phạm rửa tiền phải có những chuyển biến phù hợp. Mặt khác, trong quá trình hội nhập hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng cần tương thích với hệ thống pháp luật thế giới. Đó là Công ước Palermo, Công ước Viên, Công ước quốc tế về chống tài trợ cho khủng bố (1999), Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, 40+9 khuyến nghị về vấn đề rửa tiền và tài trợ cho khủng bố của FATF. Trong khi đó, hệ thống các văn bản về tội phạm rửa tiền ở Việt Nam có rất ít và còn có những quy định chưa tương thích với quy định về rửa tiền của thế giới.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Từ năm 1986 khi nước ta chuyển sang cơ chế thị trường, đời sống kinh tế xã hội rất phát triển. Đồng thời, các loại tội phạm nguồn của tội rửa tiền như mua bán ma túy, tham nhũng, buôn lậu và làm hàng giả, lừa đảo, đánh bạc, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em gia tăng nhanh chóng về số lượng và quy mô, những mảnh khoe, thủ đoạn phạm tội rửa tiền mới cũng tinh vi xảo quyệt hơn... Trong khi tội phạm thực tế là có và không ít thì Tòa án lại xét xử rất ít. Do đó, yêu cầu thay đổi, hoàn thiện pháp luật nói chung và BLHS tội rửa tiền nói riêng đặt ra cấp thiết.

3.2. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển, Mỹ và Canada

3.2.1. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển

Trong BLHS Trung Quốc, tội rửa tiền được xếp vào nhóm tội có khách thể loại là các tội xâm phạm trật tự quản lý tiền tệ hay rộng hơn là các tội xâm phạm trật tự kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là đúng về bản chất và phù hợp quy định quốc tế. Ngoài các hành vi phạm tội rửa tiền cụ thể được liệt kê, nhà làm luật Trung Quốc đã thiết lập một quy định có tính tổng quát bao trùm mọi dạng hành vi rửa tiền. Nhà làm luật Trung Quốc còn quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân.

BLHS Thụy Điển quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý cũng phải chịu trách nhiệm hình sự.

3.2.2. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với pháp luật hình sự của Mỹ và Canada

Pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền đã quy định các hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp cũng được quy định là hành vi rửa tiền. Ngoài ra, pháp luật hình sự Mỹ còn quy định về hình phạt tiền có thể được áp dụng là hình phạt chính thay cho hình phạt tù.

Quy phạm pháp luật về tội rửa tiền của Canada quy định về địa bàn tội phạm nguồn ở nước ngoài, tránh những xung đột pháp lý có thể xảy ra khi tội phạm liên quan đến nhiều quốc gia.

3.3. Những đề xuất cụ thể

1. Sắp xếp tội rửa tiền vào nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

2. Hợp nhất tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền thành một điều luật có tên gọi là tội rửa tiền.

3. Cần bổ sung quy định khái quát “thực hiện bất kỳ hành vi nào khác nhằm che đậy, giấu diếm, thay đổi nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản” là một quy định trong nhóm các quy định mô tả hành vi phạm tội.

4. Bổ sung quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý như “thực hiện các hành vi rửa tiền nhưng không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tài sản có liên quan đến tội phạm”.

5. Bổ sung chủ thể của tội rửa tiền là pháp nhân.

6. Bổ sung hình phạt chính là hình phạt tiền bên cạnh hình phạt tù.

7. Quy định phạm vi tội phạm nguồn ngoài những tội phạm được quy định trong BLHS còn có những hành vi được thực hiện ở nước ngoài nhưng theo pháp luật Việt Nam hành vi đó đã cấu thành tội phạm.

8. Quy định khái niệm “tài sản” trong phần chung BLHS Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hoàn thiện các quy định của BLHS nói chung và tội rửa tiền nói riêng là một yêu cầu tất yếu của công cuộc cải cách tư pháp. Quy định tội rửa tiền trong BLHS năm 2015 mặc dù đã có thay đổi, đã khắc phục được một số hạn chế của BLHS năm 1999 nhưng vẫn còn có những hạn chế, thiếu sót cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung để có thể hoàn thành tốt nhất vai trò của mình trong công tác bảo vệ pháp luật. Dựa trên những bài học kinh nghiệm lập pháp từ BLHS của một số quốc gia thuộc hệ thống luật thành văn và án lệ, xuất phát từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, các quy định của pháp luật quốc tế và thực tiễn đặc thù của xã hội nước ta, người viết đã nghiên cứu và đưa ra một số vấn đề cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung đối với tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam. Những vấn đề này bao gồm cả sự đánh giá về vị trí sắp xếp hay nói cách khác là khách thể của tội phạm, tên gọi của đối tượng tác động đến những phân tích về từng khía cạnh nội dung của tội rửa tiền như chủ thể, trạng thái lỗi, hành vi, hình phạt, tội phạm nguồn... mà nếu được áp dụng, sẽ tạo nên một quy phạm tội rửa tiền chặt chẽ, hoàn chỉnh, không để lọt tội phạm, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm rửa tiền trong quốc gia và trên trường quốc tế.

KẾT LUẬN

Cùng với xu thế phát triển toàn cầu, ngày nay, tội phạm rửa tiền đã và đang vươn vỏi bạch tuộc đến nhiều quốc gia, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, ngăn cản tiến trình hội nhập, tạo nguy cơ cô lập kinh tế giữa các nước, lũng đoạn ngành tài chính ngân hàng, làm thay đổi các khoản đầu tư và suy giảm sức sản xuất, hậu thuẫn cho tội phạm và tham nhũng phát triển. Do đó, việc ngăn chặn loại tội phạm này là yêu cầu cấp bách không chỉ trong phạm vi quốc gia mà cả quốc tế. Để làm được điều

này, thiết lập quy phạm tội rửa tiền hoàn chỉnh là nhiệm vụ đầu tiên và có ý nghĩa quyết định. Xuất phát từ quan điểm đó, tác giả đã chọn đề tài “So sánh quy định của BLHS Việt Nam với quy định của BLHS một số nước về tội rửa tiền” nhằm nghiên cứu quy định tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam và so sánh với một số quốc gia để tìm ra những điểm hạn chế và cách khắc phục. Trong chương I của luận văn, tác giả đi sâu phân tích cấu thành tội phạm rửa tiền trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015, nêu ra những hạn chế của quy định tội rửa tiền trong BLHS năm 1999 mà BLHS năm 2015 đã khắc phục được và những điểm hạn chế còn tồn tại của BLHS năm 2015. Tại chương 2, tác giả so sánh quy định tội rửa tiền trong BLHS nước ta và BLHS một số nước thuộc hệ thống luật thành văn (Trung Quốc, Thụy Điển) và một số nước thuộc hệ thống án lệ (Mỹ, Canada). Trên cơ sở những nghiên cứu ở hai chương đầu, trong chương 3, tác giả trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện quy định tội rửa tiền, những bài học kinh nghiệm lập pháp cụ thể rút ra từ quá trình so sánh với quy định tội rửa tiền ở BLHS các nước nói trên, áp dụng những kinh nghiệm này để khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1999 đã được BLHS năm 2015 tháo gỡ nhưng chưa triệt để. Trong phần cuối luận văn, tác giả đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung của quy phạm tội rửa tiền, từ việc xác định nhóm khách thể loại cho đến những sửa đổi về chủ thể, hành vi, hình phạt, cách sử dụng từ ngữ... nhằm hoàn thiện quy phạm này, tiến tới xây dựng một quy phạm tội rửa tiền chuẩn mực, mang lại hiệu quả cao trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm rửa tiền nói riêng và tội phạm nói chung trên phạm vi quốc gia và quốc tế.